

Bản án số: 13/2017/HCPT

Ngày: 19/1/2018

V/v: “Khiếu kiện Thông báo của
Chi cục thuế huyện B và các
quyết định giải quyết khiếu nại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Nguyễn Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 1 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 30/2017/TLPT-HC ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc “Khiếu kiện Thông báo của Chi cục thuế huyện B và các Quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Thám B, bà Trần Thị X.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị X: Ông Lê Thám B, theo văn bản ủy quyền ngày 23/8/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trần Thanh H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: 52 đường H, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Ông Nguyễn Mạnh T - Phó giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 108 đường P, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chi cục thuế huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thuế: Ông Nguyễn Văn C - Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: số 507 đường Q, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L- Phó cục trưởng phụ trách Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi ông Nguyễn Văn T- chức vụ Phó cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: số 163 đường H, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh H - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: 119 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thị trấn B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện, ông Lê Thám B, bà Trần Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2017 và ngày 12/5/2017; các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm,

người khởi kiện ông Lê Thám B, bà Trần Thị X trình bày.

Tháng 02/1990, ông Lê Thám B có mua của ông Phạm Văn S ở thôn G, xã B1, huyện B một thửa đất diện tích 2.038 m² để sản xuất và làm nhà ở, việc mua bán với ông S thể hiện bằng giấy viết tay, nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, vì lúc đó luật pháp chưa cho cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Hồ Văn B là người cùng địa phương nhận chuyển nhượng giùm ông Lê Thám B, ông Lê Văn B1 là người viết giúp giấy. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Lê Thám B làm nhà ở, sinh sống, đồng thời chuyển khẩu từ xã Đ, huyện M lên xã B1, huyện B để ổn định cuộc sống. Khi xã B1 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Lê Thám B đã làm giấy kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 16/5/2006 gửi ủy ban nhân dân xã B1, và được cơ quan chức năng thẩm tra, xác minh vào ngày 15/9/2006, được Hội đồng xét duyệt của ủy ban nhân dân xã B1 đưa vào danh sách xét duyệt ngày 15/8/2008 và niêm yết công khai tại trụ sở ủy ban nhân dân xã B1 (kết thúc niêm yết vào ngày 30/8/2008). Danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thể hiện thửa đất của ông Lê Thám B là được nhận chuyển nhượng năm 1990. Ngày 21/11/2008, ủy ban nhân dân huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thám B, bà Trần Thị X số AN 682964, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H 03515, nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009, ông Lê Thám B được thông báo đến ủy ban nhân dân huyện B để nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Lê Thám B đến ủy ban nhân dân huyện để nhận, thì được cán bộ địa chính huyện yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước với tổng số tiền 46.566.470 đồng thì mới được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông Lê Thám B không có tiền để nộp nên đi về. Đến nay, cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà X.

Sau khi nhận được Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B, với nội dung yêu cầu người nộp thuế là ông Lê Thám B phải nộp thuế cho Nhà nước số tiền 46.566.470 đồng và tiền phạt nộp chậm tính đến ngày 13/11/2014 là 48.159.000 đồng, tổng cộng là 94.725.475 đồng. Cho rằng Thông báo số 939 nêu trên là không có căn cứ, ông Lê Thám B khiếu nại đến Chi cục thuế huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đề nghị xem xét lại nội dung, tính hợp pháp của thông báo số 939 nêu trên. Ngày 10/02/2015, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B ban hành Quyết định số 115/QĐ-CCT về giải quyết khiếu nại của ông Lê Thám B, với nội dung xác định khiếu nại Lê Thám B là sai toàn bộ và giữ nguyên Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại số 115/QĐ-CCT ngày 10/02/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, ông Lê Thám B khiếu nại đến Cục thuế tỉnh

Quảng Ngãi. Ngày 15/5/2015, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 518/QĐ-CT giải quyết khiếu nại của ông Lê Thám B với nội dung: Giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, ông Lê Thám B có trách nhiệm nộp số tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ, tiền phạt chậm nộp tại Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B. Ông Lê Thám B không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi.

Tháng 4/2015, ông Lê Thám B khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 11/5/2016, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 461/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Thám B, với nội dung: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 08/6/2015 của ông Lê Thám B, trường hợp sử dụng đất của ông Lê Thám B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật và phải nộp tiền sử dụng đất; yêu cầu ông Lê Thám B phải thực hiện nghĩa vụ tài chính để được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, ông Lê Thám B khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 09/9/2016, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1625/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Thám B với nội dung: Bác khiếu nại của ông Lê Thám B đối với việc ủy ban nhân dân huyện B không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Cho rằng Thông số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B, Quyết định số 115/QĐ-CCT ngày 10/02/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, Quyết định số 518/QĐ-CT ngày 15/5/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 461/QĐ-UBND của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B, Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là không đúng quy định của pháp luật; đồng thời việc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện B không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vi phạm pháp luật. Ông Lê Thám B, bà Trần Thị X khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 939/TB-CCT và các Quyết định số 115/QĐ-CCT, số 518/QĐ-CT, số 461/QĐ-UBND, số 1625/QĐ-UBND nêu trên, đồng thời buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện B phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thám B, bà Trần Thị X.

Tại các văn bản trình bày ý kiến ngày 09/6/2017, ngày 19/6/2017, ngày 20/6/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C (đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chi cục thuế huyện B và Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện

B) trình bày:

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính số 111/PC-VPĐKQSDĐ ngày 28/7/2009 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện B chuyển đến để xác định nghĩa vụ tài chính đối với ông Lê Thám B. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về thu tiền sử dụng đất và mục I phần I Thông tư 95/2005/TT-BTC ngày 26/10/2005 của Bộ Tài chính về thu lệ phí trước bạ. Chi cục thuế huyện B xác định số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ ông Lê Thám B phải nộp như sau:

Lệ phí trước bạ nhà, đất: $(400 \text{ m}^2 \text{ đất ở} \times 230.000 \text{ đồng/m}^2) \times 0,5\% + (1.638 \text{ m}^2 \text{ đất hàng năm khác} \times 13.000 \text{ đồng/m}^2) \times 0,5\% = 566.470, \text{ đồng.}$

Tiền sử dụng đất: $(400 \text{ m}^2 \text{ đất ở} \times 230.000 \text{ đồng/m}^2) \times 50\% = 46.000.000, \text{ đồng.}$

Tổng cộng nghĩa vụ tài chính mà ông Lê Thám B phải nộp cho Nhà nước là 46.566.470, đồng. Chi cục thuế huyện B đã ra Thông báo số 111-1/TB-CCT ngày 22/9/2009 để ông Lê Thám B thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước, trong Thông báo cũng thể hiện trong trường hợp chậm nộp, người nộp thuế còn phải nộp phạt 0,05% số tiền chậm nộp/ngày. Đến ngày 13/11/2014, qua kiểm tra, rà soát các trường hợp chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước, trong đó có ông Lê Thám B, nên Chi cục thuế huyện B ban hành Thông báo số 939/TB-CCT yêu cầu ông Lê Thám B phải nộp số tiền thuế nợ và tiền chậm nộp tổng cộng là 94.725.470, đồng. Việc tính tiền chậm nộp là theo đúng quy định của Luật quản lý thuế.

Ngày 14/01/2015, Chi cục thuế huyện B nhận đơn khiếu nại đề ngày 11/01/2015 của ông Lê Thám B, khiếu nại Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B. Chi cục thuế huyện B đã mời ông Lê Thám B đến làm việc và đối thoại. Từ những căn cứ tính thuế theo quy định của pháp luật và kết quả đối thoại, ngày 10/02/2015 Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B ban hành Quyết định số 115/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Thám B, với nội dung xác định khiếu nại của ông Lê Thám B là sai toàn bộ và giữ nguyên Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014. Từ khi nhận đơn khiếu nại đến khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B đã tuân thủ đúng quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Do đó, việc ông Lê Thám B, bà Trần Thị X khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B và Quyết định số 115/QĐ-CCT ngày 10/02/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B là không có cơ sở, người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thám B, bà Trần Thị X.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 15/6/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi và lời khai tại Tòa án của ông Nguyễn Văn L (đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi) trình bày:

Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi nhận được đơn khiếu nại đề ngày 03/3/ của ông Lê Thám B, khiếu nại Quyết định số 115/QĐ-CCT ngày 10/02/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, ông Lê Thám B cho rằng việc Chi cục thuế huyện B tính và thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất, đối với thửa đất của ông đã nhận chuyển nhượng vào năm 1990 là không đúng quy định. Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành thu thập thông tin liên quan đến nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Lê Thám B, làm việc với ủy ban nhân dân huyện B và tiến hành đối thoại với ông Lê Thám B. Căn cứ vào các tài liệu thu thập được và các quy định của pháp luật, Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi xác định: Đất của ông Lê Thám B là đất không có giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; ông Lê Thám B nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 1990, nhưng sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở từ năm 1997 (trước đó đất của ông Phạm Văn S sử dụng vào mục đích trồng lúa) là thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật đất đai. Do đó, ông Lê Thám B phải nộp 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở (400 m²) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP và khoản 2 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất. Vì vậy, Chi cục thuế huyện B đã tính và thông báo cho ông Lê Thám B nộp 46.000.000 đồng tiền sử dụng đất và 566.470 đồng tiền lệ phí trước bạ là đúng quy định của pháp luật. Do ông Lê Thám B không chấp hành nộp số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ, nên Chi cục thuế huyện B ban hành Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 yêu cầu ông Lê Thám B phải nộp số tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ còn nợ, đồng thời tính tiền phạt nộp chậm, tổng cộng là 94.725.470 đồng là đúng quy định của Luật quản lý thuế. Ngày 15/5/2015, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 518/QĐ-CT giải quyết khiếu nại của ông Lê Thám B với nội dung: Giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, ông Lê Thám B có trách nhiệm nộp số tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ, tiền phạt chậm nộp tại Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B.

Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thám B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 518/QĐ-CT ngày 15/5/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 11/7/2017, các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân

huyện B (ủy quyền cho ông Huỳnh T) trình bày.

Ngày 10/6/2015, Ủy ban nhân dân huyện B nhận được Đơn khiếu nại đề ngày 08/6/2015 của ông Lê Thám B với nội dung đề nghị ủy ban nhân dân huyện B cho ông Lê Thám B nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H 03515 ngày 21/11/2008 của Ủy ban nhân dân huyện B. Qua xác minh, ngày 22/9/2009 Chi cục thuế huyện B có Thông báo thuế số 111-1/TB-CCT yêu cầu ông Lê Thám B phải thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước, gồm thuế sử dụng đất 46.000.000 đồng và lệ phí trước bạ 566.470 đồng, tổng cộng là 46.566.470 đồng. Tuy nhiên, đến năm 2014, ông Lê Thám B vẫn không thực hiện nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước, nên ngày 13/11/2014, Chi cục thuế huyện B ban hành Thông báo số 939/TB-CCT yêu cầu ông Lê Thám B nộp thuế nợ và tiền phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế. Ông Lê Thám B đã khiếu nại Thông báo số 939/TB-CCT nêu trên đến Chi cục thuế huyện B và Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi, nhưng đều bị Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B và Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi bác khiếu nại, buộc ông Lê Thám B phải nộp tiền thuế sử dụng đất, lệ phí trước bạ và tiền chậm nộp. Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay, ông Lê Thám B vẫn chưa chấp hành nộp tiền thuế sử dụng đất, lệ phí trước bạ và tiền chậm nộp cho Nhà nước.

Qua làm việc với ủy ban nhân dân xã B1 và một số người dân sinh sống tại thôn Giá Vực, xã B1, huyện B, các tài liệu kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Thám B, ủy ban nhân dân huyện B có cơ sở xác định: Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H 03515 ngày 21/11/2008 của ủy ban nhân dân huyện B, trước đây là của ông Phạm Văn S, sau đó ông S chuyển nhượng cho ông Lê Thám B. Đến năm 1997, ông Lê Thám B mới xây dựng nhà và sinh sống trên thửa đất nêu trên, điều này được Ủy ban nhân dân xã B1 và những người dân thường trú tại thôn Giá Vực xác nhận, chứ không phải là năm 1993 như khiếu nại của ông Lê Thám B. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; khoản 3 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, thì mốc thời gian sử dụng đất của ông Lê Thám B được xác định dựa trên tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất ngày 08/7/2006 của ông Lê Thám B, có xác nhận của ủy ban nhân dân xã B1 là bắt đầu sử dụng đất từ năm 1997. Do đó, đủ cơ sở để xác định ông Lê Thám B sử dụng đất từ năm 1997 liên tục cho đến nay. Căn cứ khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, khoản 3 Điều 2 Nghị

định 198/2004/NĐ-CP của Chính Phủ về thu tiền sử dụng đất, trường hợp sử dụng đất của ông Lê Thám B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải nộp tiền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2016, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND với nội dung: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 08/6/2015 của ông Lê Thám B, trường hợp sử dụng đất của ông Lê Thám B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật và phải nộp tiền sử dụng đất; yêu cầu ông Lê Thám B phải thực hiện nghĩa vụ tài chính để được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN682964, là đúng theo quy định của pháp luật. Chủ tịch ủy ban nhân dân Ba Tư không đồng ý với việc ông Lê Thám B khởi kiện yêu cầu hủy định số 461 nêu trên, ông Lê Thám B, bà Trần Thị X phải thực hiện vụ tài chính cho Nhà nước thì mới được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 06/7/2017, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Thám B. Không đồng ý với Quyết định 461/QĐ-UBND, ông Lê Thám B có Đơn khiếu nại đề ngày 07/6/2016 đến ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Qua xem xét hồ sơ khiếu nại và đối thoại với ông Lê Thám B, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xác định: ủy ban nhân dân huyện B và ông Lê Thám B đều thống nhất thửa đất diện tích 2.038 m² địa chỉ Km49+800, Quốc lộ 24, huyện B là của ông Phạm Văn S sử dụng vào mục đích trồng lúa một vụ, sau ông S chuyển nhượng cho ông Hồ Văn B, sau đó đến ông Lê Thám B quản lý và sử dụng cho đến nay, không có ai tranh chấp. Đất thuộc diện không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Kết quả xét duyệt của Hội đồng tư vấn đất đai xã B1 họp ngày 15/8/2008, kết luận trường hợp của ông Lê Thám B bắt đầu sử dụng đất làm nhà ở từ năm 1997; kết quả này đã được niêm yết công khai 15 ngày tại ủy ban nhân dân xã B1, không có thắc mắc, khiếu nại, ủy ban nhân dân xã đã lập thủ tục kết thúc niêm yết. Trên cơ sở đó, ủy ban nhân dân xã B1 xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất “sang nhượng và sử dụng năm 1997, không tranh chấp, khiếu nại, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất”, về “Giấy sang nhượng” ghi ngày 30/02/1990, qua kiểm tra thì tháng 02 dương lịch và tháng 02 âm lịch năm 1990 không có ngày 30, các ông Phạm Văn S và Hồ Văn B không thừa nhận chữ ký trên giấy là của các ông. “Giấy sang nhượng” chỉ thể hiện giữa các ông Phạm Văn S, Hồ Văn B, Lê Văn Bốn, còn ông Lê Thám B không có tên trong giấy này, nên không có giá trị để chứng minh ông B được chuyển nhượng và sử dụng đất vào năm 1990. Về Giấy xin phép sửa lại nhà ở ghi ngày 01/8/2010, bà Trần Thị X có

thể hiện nội dung “vào năm 1993 gia đình tôi được ở định cư, có nhà và đất hợp pháp mãi đến nay...” được Chủ tịch ủy ban nhân dân xã B1 xác nhận ngày 03/8/2010, có nội dung “xem xét đơn xin sửa chữa lại nhà ở, hiện đã ở lâu, đất hợp pháp. UBND xã B1 đồng ý, bởi vì đất không tranh chấp, theo đơn trình bày là đúng”, nhưng qua xem xét, giấy này xác lập sau hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích giấy này không nhằm xác định thời gian bắt đầu sử dụng vào mục đích đất ở, việc Chủ tịch ủy ban nhân dân xã B1 xác nhận đơn này là trái ý kiến của Hội đồng tư vấn đất đai xã B1 năm 2008, nên không có giá trị chứng minh thời điểm làm nhà ở của hộ ông Lê Thám B. Qua xác minh các nhân chứng là ông Ngô Thành Đ, ông Phạm Th, Trần Xuân M đã sinh sống cùng địa chỉ đều khẳng định ông Lê Thám B làm nhà ở từ năm 1997.

Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết bách khiếu nại của ông Lê Thám B tại Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 là đúng pháp luật, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thám B về việc hủy Quyết định số 1625 nêu trên là không có cơ sở.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 17/7/2017, người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Ngày 21/11/2008, ông Lê Thám B được Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 03515. Theo xác nhận của ủy ban nhân dân xã B1, ông Lê Thám B sử dụng đất từ năm 1997, thuộc trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, khoản 4 Điều 3 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Việc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - chi nhánh huyện B không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964 nêu trên cho ông Lê Thám B, là vì ông Lê Thám B chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính. Theo quy định tại khoản 3, Điều 3, Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ thì “Giấy chứng nhận được cấp cho người đề nghị cấp giấy sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến cấp Giấy chứng nhận, trừ trường hợp không phải nộp hoặc được miễn hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật”. Với lý do nêu trên, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - chi nhánh huyện B không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964 nêu trên cho ông Lê Thám B là đúng quy định của pháp luật.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 26/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi (ủy quyền cho ông Tống Đình Lương) trình bày:

Ngày 16/5/2006, ông Lê Thám B có làm đơn xin đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 25/9/2008, ủy ban nhân dân xã B1 có Tờ trình số 19/TTr-UBND đề nghị ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có trường hợp của ông Lê Thám B. Ngày 21/11/2008, ông Lê Thám B được ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H 03515. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - chi nhánh huyện B không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964 nêu trên cho ông Lê Thám B và vợ là Trần Thị X, là vì ông B, bà X chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp tiền sử dụng đất).

Ý kiến của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thám B:

Năm 1990, ông Lê Thám B nhờ ông Hồ Văn B mua thửa đất của ông Phạm Văn S, ông B là người trả tiền cho ông S. Thửa đất này ông S trồng lúa, lang, mì. Sau khi mua, ông Lê Thám B dựng một cái chòi canh và trồng lang, lúa, mì. Năm 1993, ông B dựng một nhà chòi quay phen tre mái lợp giấy dầu, đến năm 1997 xây dựng nhà trờ bằng gỗ và năm 2010 ông B sửa lại thành nhà gạch. Năm 2000, ông B và vợ con chuyển khẩu từ xã Đ, huyện M lên xã B1, huyện B, Ủy ban nhân dân xã B1 xác nhận ông B nhận chuyển nhượng đất năm 1990, sử dụng năm 1997, không có tranh chấp ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B năm 2008. Tuy ông B sử dụng đất không có giấy tờ hợp pháp, có nhà trên đất từ năm 1993, đất không có ai tranh chấp nên ông B không phải nộp thuế sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Thông báo thuế không viện dẫn các quy định để tính thuế. Sau khi ông B khiếu nại thì Ủy ban nhân dân huyện xác minh lại về thời gian sử dụng đất của ông B là trái với quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thông báo thuế không phải là Quyết định nộp thuế nên ông B không phải có nghĩa vụ thực hiện. Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi đã nhận định Chi cục thuế huyện B viện dẫn quy định để tính thuế với ông B là sai, nhưng lại bác khiếu nại của ông B là không phù hợp quy định pháp luật. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không căn cứ cụ thể điểm, khoản, Điều nào của luật để ban hành mà viện dẫn chung chung là không đúng quy định. Ông Lê Thám B sử dụng đất trước ngày 15/10/1993, có nhà trên đất, đất không có tranh chấp nên không phải nộp tiền thuế sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thám B.

Ý kiến của người bảo vệ, quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Tại thời điểm công khai danh sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân xã B1, ông Lê Thám B biết việc trong danh sách ghi thời điểm sử dụng đất của ông B là vào năm 1997, nhưng ông không khiếu nại. Ông Phạm Văn S không thừa nhận việc bán đất cho ông B, còn ông Hồ Văn B không thừa nhận việc đứng tên mua đất giúp ông B. Người dân xã B1 xác nhận thời điểm sử dụng đất của ông B là vào năm 1997, nên ông B phải nộp 50% tiền thuế sử dụng đất đối với việc chuyển đổi mục đích sử dụng 400 m² đất nông nghiệp sang đất ở và tiền lệ phí trước bạ đất là chính xác, đúng quy định pháp luật. Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác khiếu nại của ông Lê Thám B, khiếu kiện đối với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B, về việc không giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thám B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 10 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, Điều 58, điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 162 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 13, điểm c khoản 1 và khoản 4 Điều 36, khoản 3 Điều 49, Điều 50, Điều 83, khoản 5 Điều 87 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 106 Luật quản lý thuế năm 2006 và khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế năm 2012; khoản 1 Điều 80 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; khoản 2 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; mục 1 phần II Thông tư số 79/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Thám B, bà Trần Thị X về việc: Yêu cầu hủy Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B; Quyết định số 115/QĐ-CCT ngày 10/02/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B; Quyết định số 518/QĐ-CT ngày 15/5/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; khiếu kiện hành vi không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H 03515 do ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 21/11/2008, của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - chi nhánh huyện B, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và ủy ban nhân dân huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/9/2017, ngày 22/9/2017 nguyên đơn ông Lê Thám B và bà Trần Thị X có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: Hủy Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B; hủy quyết định số 115/QĐ-CCT ngày 10/02/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B; hủy Quyết định số 518/QĐ-CT ngày 15/5/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi; hủy Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B; hủy Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; buộc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện B giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H03515, diện tích 2.038m²(trong đó đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây hàng năm khác 1.638,m²) cho vợ chồng Ông, Bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ông Lê Thám B và bà Trần Thị X, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Tòa án phúc thẩm hủy Thông báo thuế số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B và các quyết định giải quyết khiếu nại đối với Ông Bà của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; buộc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện B phải giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 21/11/2008 cho Ông Bà..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ông Nguyễn Mạnh T trình bày: Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thám B và bà Trần Thị X là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo Ủy quyền của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B và Chi cục thuế huyện B ông Nguyễn Văn C trình bày: Không chấp nhận kháng cáo của ông B và bà X đề nghị Tòa phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt số 127/CT-HCCTTV&AC ngày 15/1/2018 của Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi có nội dung đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt số 44/VPĐKĐ ngày 12/1/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi có nội dung đề nghị Tòa án giữ nguyên

kết quả phiên tòa sơ thẩm.

Tại Văn bản số 82/UBND ngày 12/1/2018 Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt UBND huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên xét xử hôm nay. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông Lê Thám B và bà Trần Thị X giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Thám B và bà Trần Thị X là đúng các quy định về thẩm quyền giải quyết và thời hạn kháng cáo của Luật tố tụng hành chính; Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về hình thức, thời hạn, trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B, Quyết định số 115/QĐ-CCT ngày 10/2/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B, Quyết định số 518/QĐ-CT ngày 15/5/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện B, và Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân(UBND) tỉnh Quảng Ngãi là đúng với quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2, Điều 4, khoản 2,3 Điều 7 Quy chế giải quyết khiếu nại tại cơ quan thuế các cấp ban hành theo Quyết định số 1720-TCT ngày 8/10/2014 của Tổng cục trưởng Cục thuế; Luật khiếu nại năm 2011(khoản 1, Điều 18; khoản 2 Điều 21, các Điều 28, 29, 30, 31, 37, 38, 39, 40) và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015(khoản 10 Điều 22, khoản 8 Điều 29).

[3] Về nội dung: Thửa đất có diện tích 2038m², tại Km48+800, Quốc Lộ 24, xã B1, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc của ông Phạm Văn S sử dụng vào mục đích trồng lúa một vụ. Theo ông Lê Thám B khai ông Phạm Văn S chuyển nhượng cho ông Hồ Văn B đứng tên nhận chuyển nhượng“ Giấy sang nhượng” ghi ngày 30/2/1990 nhưng Ông Lê Thám B là người trả tiền; ông Lê Thám B sử dụng ổn định, lâu dài không có tranh chấp. Ngày 16/5/2006, Ông Lê Thám B có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

(GCNQSDĐ) đối với thửa đất nói trên, nguồn gốc đất tự khai “chuyển nhượng năm 1990”(BL09); ngày 15/8/2008, Hội đồng tư vấn về đất đai xã B1 đã công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ tại UBND xã trong 15 ngày, trong danh sách có ghi nguồn gốc đất của ông Lê Thám B là: “nhận chuyển nhượng năm 1990, sử dụng năm 1997” (BL12); kết thúc niêm yết công khai, ông Lê Thám B không có ý kiến và khiếu nại gì được UBND xã B1 xác nhận nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất “sang nhượng và sử dụng năm 1997” (BL180); ngày 21/11/2008 UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ số AN 682964 số vào sổ H03515, diện tích 2038m² (trong đó đất ở nông thôn 400m², đất HNK 1638m²) cho ông B. Sau khi nhận phiếu chuyển số 111/PC-VPĐKQSDĐ thông tin địa chính thửa đất của ông Lê Thám B, ngày 22/9/2009, Chi cục thuế huyện B có thông báo số 111-1/TB-CCT xác định số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ phải nộp đối với hộ ông Lê Thám B và bà Trần Thị X với số tiền: 46.566.470 đồng là đúng với khoản 2 Điều 8 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, và mục I, phần I Thông tư 95/2005/TT-BTC ngày 26/10/2005 của Bộ Tài Chính về thu lệ phí trước bạ và khoản 5 Điều 4 Quyết định số 54/2006/QĐ-UBND ngày 22/9/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Do ông B chưa nộp số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ trên, ngày 13/11/2014 Chi cục thuế huyện B có Thông báo số 939/TB-CCT thông báo số tiền nợ thuế và số tiền phạt chậm nộp là 94.725.470, đồng (trong đó tiền nợ thuế là 46.566.470, đồng và tiền phạt chậm nộp tính đến ngày 13/11/2014 là: 48.159.000, đồng) là đúng pháp luật. Ông Lê Thám B khiếu nại Thông báo trên, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B đã ban hành Quyết định số 115/ QĐ-CCT ngày 10/2/2015 bác khiếu nại của Ông, ông B tiếp tục khiếu nại, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 518/QĐ-CT ngày 15/5/2015 bác khiếu nại của ông B, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B; các Quyết định giải quyết khiếu nại số 115 ngày 10/2/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B và Quyết định số 518/QĐ-CT ngày 15/5/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi là đúng pháp luật. Ngày 10/6/2015, ông B tiếp tục có đơn khiếu nại đến UBND huyện B; ngày 14/5/2016, chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 461/QĐ-UBND bác khiếu nại của ông B; ông B khiếu nại đến chủ tịch tỉnh Quang Ngãi, ngày 9/9/2016 chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định 1625/QĐ-CT bác khiếu nại của ông B; các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ và chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đối với khiếu nại của ông B là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Đối với hành vi không giao GCNQSDĐ của Văn phòng đăng ký đất đai- chi nhánh huyện B. Ông B, bà X chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với

thửa đất mà UBND huyện B đã có quyết định cấp Giấy chứng nhận cho Ông, Bà; theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ về cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: “ Giấy chứng nhận được cấp cho người đề nghị cấp giấy sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến cấp Giấy chứng nhận, trừ trường hợp không phải nộp hoặc được miễn hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật” . Do vậy, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi- chi nhánh huyện B không giao GCNQSDĐ số AN 682964 trên cho vợ chồng ông Lê Thám B là đúng pháp luật.

[5] Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Thám B, bà Trần Thị X là đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm ông B và bà X cũng không có chứng cứ nào khác; do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, bà X và toàn bộ kháng cáo của ông B và bà X giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[6] Ông B, bà X phải chịu án phí phúc thẩm tiền: 300.000,(Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13, điểm c khoản 1 và khoản 4 Điều 36, khoản 3 Điều 49, Điều 50, Điều 83, khoản 5 Điều 87 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 106 Luật quản lý thuế năm 2012; khoản 1 Điều 80 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; khoản 2 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính Phủ; mục 1 phần II Thông tư số 79/2008/TT-BTC ngày 15/9/2008 của Bộ Tài Chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Bác kháng cáo của Ông Lê Thám B, bà Trần Thị X và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 1/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Thám B, bà Trần Thị X về việc: Yêu cầu hủy Thông báo số 939/TB-CCT ngày 13/11/2014 của Chi cục thuế huyện B; Quyết định số 115/QĐ-CCT ngày 10/2/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện B; Quyết định số 518/QĐ-CT ngày 15/5/2015 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 461/QĐ-BND ngày

11/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 9/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; khiếu kiện hành vi không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 682964, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H03515 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 21/11/2008 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi- Chi nhánh huyện B.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm ông Lê Thám B, bà Trần Thị X phải chịu: 300.000, (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ 300.000, (Ba Tăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông B, bà X đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0000172 ngày 31/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Án phí hành chính phúc thẩm ông Lê Thám B, bà Trần Thị X phải chịu: 300.000, (Ba trăm ngàn) đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông B, bà X đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016 / 0001397 ngày 6/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Lê Thám B, bà Trần Thị X đã nộp đủ tiền án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 19/1/2018.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng ;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRƯỜNG MINH TUẤN